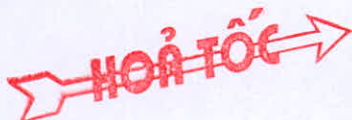


Số: 3808 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 14 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc bổ sung danh sách tên đặt tại Đề án Ngân hàng tên đường, phố,
công trình công cộng trên địa bàn thành phố Hải Phòng**



ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về việc Ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20/3/2006 của Bộ Văn hóa Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố: số 2974/QĐ-UBND ngày 12/11/2018 về việc phê duyệt ban hành Quy chế xác lập, quản lý và sử dụng Ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Hải Phòng và số 2975/QĐ-UBND ngày 12/11/2018 về việc phê duyệt Đề án Ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Xét đề nghị của Sở Văn hóa và Thể thao - Cơ quan thường trực Hội đồng Tư vấn đặt tên, đổi tên đường, phố và các công trình công cộng thành phố tại Công văn số 3156/SVHTT-QLDSVH ngày 11/11/2022 về việc đề nghị ban hành Quyết định bổ sung tên đặt vào Ngân hàng tên đường, phố, công trình công cộng thành phố Hải Phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung danh sách tên đặt tại Đề án Ngân hàng tên đường, phố, công trình công cộng trên địa bàn thành phố Hải Phòng đã được Ủy ban nhân

dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 2975/QĐ-UBND ngày 12/11/2018, cụ thể như sau:

Tổng số: 46 tên, trong đó:

- 18 tên danh nhân có công với đất nước và thành phố Hải Phòng.
- 11 tên địa danh đã quen dùng từ xa xưa, đã ăn sâu vào tiềm thức của nhân dân.
- 16 tên ghép từ địa danh của các địa phương có mối quan hệ đặc biệt.
- 01 tên là danh từ có ý nghĩa tiêu biểu.

(Danh mục tên đặt chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

Giao Sở Văn hóa và Thể thao chủ trì, phối hợp với Hội đồng Tư vấn đặt tên, đổi tên đường, phố và các công trình công cộng thành phố Hải Phòng và các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Đề án Ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Hải Phòng đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 2975/QĐ-UBND ngày 12/11/2018 và các Quyết định bổ sung tên đặt đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt theo quy định hiện hành

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở, ngành: Văn hóa và Thể thao, Nội vụ, Giao thông Vận tải, Xây dựng, Tư pháp, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Thông tin và Truyền thông, Du lịch; Công an thành phố, Đài Phát thanh và Truyền hình Hải Phòng, Báo Hải Phòng, Chuyên đề An ninh Hải Phòng; Hội đồng Tư vấn đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng thành phố Hải Phòng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ VHTTDL;
- TT TU, TT HĐND TP;
- CT, PCT Lê Khắc Nam;
- UB MTTQ VN TP;
- Ban TG TU;
- Ban VHXXH HĐND TP;
- Các VP: TU, ĐDBQH&HĐND TP;
- CVP, PCVP Trần Huy Kiên;
- Phòng: VX, NC&KTGS;
- Các CV: VH1, XD, GT, TH;
- Lưu VT.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Khắc Nam

PHỤ LỤC: DANH SÁCH TÊN BỔ SUNG NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 3808 ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Tên đặt	Ý nghĩa tên đặt
I. Tên danh nhân có công với đất nước và thành phố Hải Phòng		
1	NGUYỄN BÌNH	Nguyễn Bình tên thật là Nguyễn Trọng Bình (1918-1966), quê huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Ông tham gia hoạt động cách mạng trước năm 1945 và là nhà thơ nổi tiếng trong phong trào Thơ mới. Từ năm 1945 đến năm 1954, ông tham gia chống thực dân Pháp ở Nam Bộ. Năm 1954, ông tập kết ra Bắc, tham gia công tác văn nghệ và làm báo. Ông sáng tác nhiều thể loại, đặc biệt là thơ và để lại nhiều tác phẩm nổi tiếng như: <i>Tâm hồn tôi, Lỡ bước sang ngang, Mười hai bến nước, Truyện thơ Cây đàn Tỳ bà, Gửi người vợ Miền Nam...</i> được đông đảo độc giả đón nhận.
2	NGUYỄN MINH CHÂU	Nguyễn Minh Châu (1930-1989), quê ở làng Văn Thai, xã Sơn Hải, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, là một nhà văn có ảnh hưởng lớn đối với văn học Việt Nam trong giai đoạn chiến tranh và thời kỳ đất nước đổi mới. Năm 1945, ông tốt nghiệp Trường Kỹ nghệ Huế, với bằng Thành chung. Ông tham gia quân đội, sau công tác tại tạp chí Văn nghệ quân đội. Ông để lại nhiều tác phẩm văn học tiêu biểu, chứa đựng tính nhân văn sâu sắc như: <i>Cửa sông, Miền cháy, Bến quê, Chiếc thuyền ngoài xa, Mảnh đất tình yêu...</i> Năm 2000, ông được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật.
3	XUÂN DIỆU	Xuân Diệu (1916-1985), tên thật là Ngô Xuân Diệu, quê làng Trảo Nha, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Ông là nhà thơ, nhà báo, nhà văn và nhà phê bình văn học. Ông là một trong những nhà thơ tiêu biểu trong phong trào Thơ mới đầu thế kỷ XX và được đánh giá là nhà thơ mới nhất trong các nhà thơ mới. Ông có nhiều tác phẩm nổi tiếng như tập thơ <i>Thơ thơ, Gửi hương cho gió, Ngôi sao...</i> Ông được nhà nước tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật.
4	VI HUYỀN ĐẮC	Vi Huyền Đắc (1899-1976), quê ở Trà Cổ, tỉnh Quảng Ninh. Khi trưởng thành, ông sinh sống và làm việc tại Hải Phòng. Ông viết văn và mở nhà in trên phố Cầu Đất. Ngoài viết văn, ông còn viết khoảng 20 vở kịch, trong đó có nhiều vở kịch nổi tiếng như <i>Uyên ương, Hoàng Mộng Điệp, Kim Tiên, Ông Ký cốp...</i> và nhận được nhiều giải thưởng trong và ngoài nước, được diễn trên nhiều sân khấu lớn cả nước. Vi Huyền Đắc cùng với Vũ Đình Long đã đưa kịch nói của nước ta có những bước chuyển biến mạnh mẽ từ những ngày đầu du nhập. Tên ông được ghi chép tại cuốn <i>Nhân vật lịch sử Hải Phòng, tập 2</i> .

5	TRẦN ĐÔNG	Trần Đông (1925-2013), tên thật là Bùi Thuyên, quê làng Hòe Thị, xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy, tỉnh Kiến An (nay là huyện Kiến Thụy). Ông sớm giác ngộ lý tưởng cách mạng, trong quá trình làm việc, ông đảm nhiệm nhiều chức vụ quan trọng: Bí thư Huyện ủy Thủy Nguyên (1953), Giám đốc Công an Hải Phòng, Bí thư Thành ủy Hải Phòng (1977-1979), Thứ trưởng Bộ Công an, Thứ trưởng Bộ Tư pháp.
6	NGÔ KIM HÚC	Ngô Kim Húc, người làng Hàng Kênh, huyện An Dương, nay thuộc phường Hàng Kênh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Ông đỗ Đệ tam giáp Đồng tiến sĩ xuất thân, khoa thi năm Mậu Tuất (1478), niên hiệu Hồng Đức thứ 9, đời vua Lê Thánh Tông. Sau khi đỗ đạt, ông ra làm quan triều vua Lê Thánh Tông. Tên tuổi ông cùng với các vị tiến sĩ Hải Phòng thời kỳ phong kiến đã được khắc bia và được ghi chép trong cuốn Những ông Nghè đất Cảng.
7	NGUYỄN NHÂN KHIÊM	Nguyễn Nhân Khiêm người làng Lê Xá nay là thôn Lê Xá, xã Tú Sơn, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng. Ông đỗ Đệ Tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân (là một danh hiệu học vị trong hệ thống thi cử Nho học thời phong kiến) vào năm 29 tuổi tại khoa thi năm Kỷ Sửu (1469), niên hiệu Quang Thuận thứ 10, đời vua Lê Thánh Tông. Sau khi đỗ tiến sĩ, ông ra làm quan, sau thăng tới chức Đô cấp sự trung Bộ Công. Tên tuổi và công trạng của ông được ghi tại bia Văn Miếu Xuân La, huyện Kiến Thụy và cuốn Những ông Nghè đất Cảng.
8	THẠCH LAM	Thạch Lam tên thật là Nguyễn Tường Vinh sau đổi là Nguyễn Tường Lân (1910-1942), quê tại Hà Nội. Ông là nhà văn nổi tiếng của nền văn học Việt Nam hiện đại. Ông làm báo với hai anh trai là Nhất Linh và Hoàng Đạo và tham gia nhóm Tự lực văn đoàn với các bút danh: Thạch Lam, Việt Sinh, Thiện Sỹ. Các sáng tác của ông khắc họa một cách chân thực về hiện thực cuộc sống xã hội, chứa đựng giá trị nhân văn sâu sắc, tiêu biểu như: Hai đứa trẻ, Nắng trong vườn, Ngày mới, Hà Nội băm sáu phố phường,...
9	LƯU TRỌNG LƯ	Lưu Trọng Lư (1911-1991), quê xã Hạ Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Trước năm 1940, ông tham gia nhiều hoạt động nghệ thuật tại Hải Phòng. Ông là một trong những nhà thơ nổi tiếng trong phong trào Thơ mới, được Hoài Thanh và Hoài Chân giới thiệu trong cuốn “Thi nhân Việt Nam”. Sau Cách mạng Tháng Tám, ông tham gia hoạt động tuyên truyền văn hóa văn nghệ tại liên khu IV. Sau năm 1924, ông làm Tổng Thư ký Hội nghệ sĩ sân khấu Việt Nam. Ông có nhiều tác phẩm nổi tiếng như: Tiếng thu, Toả sáng đôi bờ, Người con gái Sông Gianh, Cung đàn mùa Xuân... Ông được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật năm 2000.

10	MAI NĂNG	Mai Năng tên thật là Tạ Văn Thiều (1930 - 2019), quê tại làng Sơn Lương, xã Ngũ Phúc, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng. Ông gia nhập quân đội năm 1947, tham gia trinh sát và tập kích sân bay Cát Bi ngày 7/3/1954. Sau ngày giải phóng thành phố Hải Phòng, ông làm Phó hiệu trưởng Trường trinh sát Quân Khu III, Chính trị viên tàu săn ngầm của Quân chủng Hải quân và tham gia xây dựng lực lượng đặc công nước. Tháng 10/1966, ông đưa bộ đội vào mặt trận Trị Thiên và tham gia chiến dịch mùa Xuân năm 1968, Đường 9-Nam Lào (1971), Thừa Thiên- Huế (1972), chiến dịch Hồ Chí Minh, chỉ huy giải phóng quần đảo Trường Sa (1975)...
11	BÙI XUÂN QUÝ	Bùi Xuân Quý (1954-1984), quê thôn Trung Trữ, xã Ninh Giang, huyện Gia Khánh, nay là huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Sau khi tốt nghiệp Trường Cảnh sát nhân dân Trung ương, tháng 11/1975, ông được điều về làm cảnh sát khu vực Trại Cau, khu phố Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Tối ngày 9/3/1984, Bùi Xuân Quý cùng đồng đội truy bắt tên tội phạm dùng lựu đạn đột nhập cướp tại nhà hàng ở phố Tô Hiệu. Chúng dùng súng chống trả và Bùi Xuân Quý đã anh dũng hy sinh. Với tấm gương sáng trong công tác và hy sinh khi làm nhiệm vụ, năm 1985, Liệt sỹ Bùi Xuân Quý được truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.
12	TRỊNH CÔNG SƠN	Trịnh Công Sơn (1939 - 2001), quê làng Minh Hương, xã Vĩnh Trị, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ông là tác giả bài hát Nối vòng tay lớn nổi tiếng và được coi là một trong những nhạc sĩ lớn nhất của nền Tân nhạc Việt Nam với nhiều ca khúc cách mạng như: Nối vòng tay lớn, Em ở nông trường anh ra biên giới, Huyền thoại mẹ; nhiều bài hát cho thiếu nhi như: Em là hoa hồng nhỏ, Tiếng ve gọi hè, Tuổi đời mênh mông, Khăn quàng thắp sáng bình minh... và nhiều tình khúc vượt thời gian như: Một cõi đi về, Biển nhớ, Như một lời chia tay, Diễm xưa...
13	TRẦN QUỐC THI	Trần Quốc Thi là tôn thất nhà Trần, ông được phong tước Văn Định Vương, là người có đóng góp trong cuộc kháng chiến chống Mông - Nguyên, thế kỷ XIII, được vua Trần phong ấp ở Đại Trà, Phong Cầu, Đức Phong, Lạng Côn nay thuộc xã Đông Phương, huyện Kiến Thụy và phường Hưng Đạo, quận Dương Kinh. Sau khi ông mất, nhân dân tại đây tôn ông làm Thành hoàng làng, thờ tại đình Đại Trà, xã Đông Phương. Công trạng và đóng góp của ông với đất nước được ghi lại tại sắc phong của nhiều triều vua và được lưu giữ tại đình Đại Trà, xã Đông Phương, huyện Kiến Thụy và đình Tây Am, xã Cao Minh, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

14	NGUYỄN THIẾP	Nguyễn Thiếp (1722-1804), quê ở huyện Nghi Xuân, tỉnh Nghệ An. Ông là danh sĩ cuối đời Hậu Lê và Tây Sơn trong lịch sử Việt Nam. Vua Quang Trung Nguyễn Huệ gọi ông là La Sơn phu tử hay La Sơn tiên sinh. Ông đỗ thủ khoa kỳ thi Hương ở Nghệ An, đỗ Tam trường thi Hội. Ông được triều đình mời giữ chức Huấn đạo, sau ông từ chức về sống cuộc đời ẩn dật, trong những năm tháng này ông đã dạy nhiều học trò thành đạt, là một trong những nhà giáo được lưu danh trong sử sách Việt. Cuối năm 1788, Nguyễn Huệ kéo quân ra Bắc đại phá quân Thanh đã gặp và mời ông hiến kế đánh giặc. Khi vào Huế làm quan triều Tây Sơn, ông dâng kế trị nước lên vua Quang gồm 3 điều: Quân Đức (theo Thánh hiền mà trị nước), Dân Tâm (thu phục được lòng dân), Học Pháp (coi trọng giáo dục). Sau này, vua Quang Trung đã thực hiện theo 3 điều trên và đã làm cho đất nước hưng thịnh.
15	HOÀNG THUYỀN	Hoàng Thuyền người làng Lê Xá, huyện Nghi Dương, nay là thôn Lê Xá, xã Tú Sơn, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng. Năm 38 tuổi, ông đỗ Đệ tam giáp Đồng tiến sĩ xuất thân tại khoa thi năm Mậu Tuất (1538), niên hiệu Đại Chính thứ 9 đời vua Mạc Thái Tông. Sau khi đỗ đạt, ông ra làm quan và giữ đến chức Tham chính và Hữu thị lang Bộ Công. Ông được ghi danh ở bia tại Văn miếu Xuân La, huyện Kiến Thụy, được các triều vua phong kiến ban sắc phong. Tên tuổi của ông được ghi chép lại trong cuốn Những ông Nghè đất Cảng.
16	DÃ TƯỢNG	Dã Tượng là một gia tướng trung thành của Trần Hưng Đạo. Ông có biệt tài thuần hóa tượng (voi) rừng và chỉ huy đội tượng binh, nên được Trần Hưng Đạo đặt tên là Dã Tượng. Khi quân Nguyên tấn công các ải Nội Bàng, Chi Lăng, quân ta bại trận, thủy quân tan rã, Trần Hưng Đạo định rút theo đường núi, Dã Tượng lo ngại đường núi có phục binh nên khuyên Trần Hưng Đạo rút theo đường thủy, vì vậy mà Trần Hưng Đạo không bị sa vào tay giặc. Ông cũng là người khuyên Trần Hưng Đạo nên đặt lợi ích dân tộc lên trên thù riêng. Ngoài việc thuần hóa voi rừng, Dã Tượng còn có tài xông pha trận mạc nên được vua Trần Nhân Tông phong là Tiết Chế Binh Nhung. Tên ông đã được thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh sử dụng để đặt tên đường, phố.
17	CHẾ LAN VIÊN	Chế Lan Viên (1920-1989), tên khai sinh là Phan Ngọc Hoan, quê xã Cam An, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị. Ông là một nhà thơ, nhà văn hiện đại Việt Nam. Ông tham gia cách mạng, là đại biểu Quốc hội các khóa IV, V, VI. Ông có nhiều tác phẩm văn học nổi tiếng: Tập thơ <i>Ánh sáng và phù sa</i> , <i>Hoa ngày thường - chim báo bão</i> ... Ông được Nhà nước truy tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật.

18	ĐÀO CÔNG CHÍNH	Đào Công Chính người làng Hội Am, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Từ nhỏ, ông đã nổi tiếng thông minh, được mọi người coi là thần đồng. Ông đỗ Hương Cống năm 13 tuổi, năm Vĩnh Thọ thứ tư (1661) đời vua Lê Thần Tông ông đỗ Bảng nhãn Khoa thi hội, thi đình. Sau khi đỗ, ông ra làm quan, được cử đi sứ sang nhà Minh, sau được thăng chức Hữu thị lang Bộ Lễ tước nam. Ông được chọn giảng sách cho nhà vua, tham gia biên soạn cuốn sử Trùng san Lam Sơn thực lục; ông tham gia biên soạn bộ Đại Việt sử ký tục biên gồm 23 quyển: “ <i>Khảo định quốc tử từ họ Hồng Bàng đến kỷ Cung Hoàng, lại chép nối từ Trang Tông Dụ hoàng đế (1533) đến khoảng niên hiệu Vạn Khánh (1662) đời Thần tông Uyên hoàng đế...</i> ”. Ngoài ra, ông còn là một danh y của nước ta, tại quê ông, nhân dân vẫn lưu truyền câu ca: “ <i>Thánh thuốc Nam, Hội Am Vĩnh Lại</i> ”. Ông soạn bộ sách thuốc <i>Bảo sinh diên thọ toàn yếu</i> , nội dung về gìn giữ tuổi thọ, phương pháp vệ sinh, rèn luyện tâm thần, chữa bệnh theo lối thư giãn,...Hiện nay, một vài nơi còn giữ được bộ sách này.
II. Tên địa danh đã quen dùng từ xa xưa, đã ăn sâu vào tiềm thức của nhân dân		
19	HẢI CHÂU	Hải Châu là tên được nhân dân phường Hải Thành, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng quen gọi. Tại khu vực này có chùa Hải Châu. Đây là địa điểm sinh hoạt văn hóa tâm linh của nhân dân trên địa bàn phường Hải Thành.
20	AN DƯƠNG	An Dương là tên địa danh cổ của huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Huyện An Dương được đặt từ năm 1469 đời vua Lê Thánh Tông, thuộc phủ Kinh Môn, xứ Hải Dương. Thời Nguyễn Minh Mạng đổi thuộc phủ Kiến Thụy, tỉnh Hải Dương. Từ năm 1887, thuộc nha Hải Phòng. Từ năm 1898, huyện thuộc tỉnh Phù Liễn. Thời thuộc Pháp, huyện An Dương bị cắt một phần làm nhượng địa để lập thành phố Hải Phòng. Năm 1966, huyện đổi tên là huyện An Hải sau khi sáp nhập huyện Hải An và huyện An Dương. Năm 2002, huyện An Dương được tái lập với 01 thị trấn và 15 xã. Tên công viên An Dương đã được nhân dân địa phương quen gọi từ lâu.
21	CHÂN KIM	Chân Kim là tên địa danh, địa điểm này là một dải đất ven đê cổ được gọi là đê Chân Kim, một loại đê biển lớn được đắp vào năm 1526, kéo dài từ chùa Đại Minh (xã Đoàn Xá, huyện Kiến Thụy) đến Quý Kim (xã Hợp Đức, Đồ Sơn nay thuộc phường Tân Thành, Dương Kinh). Đê Chân Kim đã được ghi chép tại Sách Đại Nam nhất thống chí, do Quốc sử quán triều Nguyễn, cuối thế kỷ XIX soạn xếp đê này vào mục cổ tích của xứ Đông: Năm Thống Nguyên thứ 8 (1526), hạ lệnh cho dân phủ Hạ Hồng, Thượng Hồng, Kinh Môn, Nam Sách, Thái Bình đắp đê Chân Kim...

22	TÂY HÀ	Tây Hà là tên địa danh, đây là vùng đất nằm ở phía Tây sông Lạch Tray, thuộc phường Lãm Hà, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng. Do vị trí nằm ở phía Tây sông nên nhân dân tại đây từ lâu đã quen gọi là phố Tây Hà.
23	TÂN HẢI	Tân Hải là tên địa danh, trước đây, phường Tân Thành và phường Hải Thành khi mới thành lập, dân cư còn thưa thớt. Vì vậy, hai phường xây dựng trường học chung tại các cấp học. Để thể hiện tinh thần đoàn kết, gắn bó giữa hai phường, phường Tân Thành đã đặt tên một Tổ dân phố trên địa bàn là Tân Hải.
24	PHÚ HẢI	Đây là tên địa danh thuộc phường Hưng Đạo, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng. Phú Hải là tên địa danh có từ khi hình thành làng Phú Hải nay là tổ dân phố Phú Hải, phường Hưng Đạo, quận Dương Kinh. Tuyến phố đề nghị đặt tên đi qua tổ dân phố Phú Hải.
25	VƯỜN HỒNG	Đây là tên địa danh thuộc phường Đằng Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Trước kia, từ những năm 1954, khu vực có tuyến phố chạy qua là nơi nhân dân địa phương chuyên canh tác về hoa hồng do thổ nhưỡng nơi này phù hợp để hoa hồng phát triển, cho năng suất cao, mang lại lợi ích kinh tế cho người dân Đằng Hải. Vì vậy, Vườn Hồng là tên gọi quen thuộc của người dân Đằng Hải khi nhắc đến khu vực này.
26	KHA LÂM	Đây là tên địa danh thuộc phường Nam Sơn, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng. Địa điểm này là làng Kha Lâm trước đây, nay thuộc phường Nam Sơn, quận Kiến An. Người dân làng Kha Lâm có nghề mộc truyền thống đã tồn tại từ hàng trăm năm trước, đến nay, địa phương vẫn duy trì sản xuất và mua bán đồ mộc.
27	TÂN LẬP	Tân Lập là tên địa danh thuộc phường Tân Thành, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng. Đây là tên một Tổ dân phố của phường Tân Thành. Đây là tên đặt có từ khi phường Tân Thành được thành lập.
28	THANH LONG	Thanh Long là tên địa danh thuộc địa bàn phường Nam Sơn, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng. Tại khu vực này có đình Lệ Tảo và chùa Thanh Long. Chùa Thanh Long là những công trình tôn giáo, tín ngưỡng cổ, có từ lâu đời, đã gắn bó với sinh hoạt tín ngưỡng và đời sống văn hóa tâm linh của nhân dân địa phương. Vì vậy, tên gọi Thanh Long đã ăn sâu vào tiềm thức nhân dân địa phương.

29	TÂN TIẾN	Tân Tiến là tên địa danh thuộc phường Tân Thành, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng. Đây là tên của một tổ dân phố thuộc phường Tân Thành, đây là tên đặt đã có từ khi thành lập phường Tân Thành.
III. Tên ghép từ địa danh của các địa phương có mối quan hệ đặc biệt		
30	TÂN ĐỨC	Phường Tân Thành, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng vốn là vùng đất bồi ven sông Lạch Tray. Từ năm 1977, thành phố tổ chức khai hoang, lấn biển, xây dựng khu kinh tế mới. Trên cơ sở đó, năm 1983, thành lập 2 xã Hải Thành và Tân Thành, từ cuối năm 2007 là phường Hải Thành, Tân Thành thuộc quận Dương Kinh. Năm 1982, theo chủ trương di dân xây dựng vùng kinh tế mới của thành phố, nhân dân phường Hợp Đức tới mảnh đất Tân Thành, tham gia khai hoang, lấn biển, xây dựng vùng kinh tế mới. Tân Đức là tên ghép từ tên của phường Tân Thành và phường Hợp Đức.
31	THÀNH ĐỨC	Phường Tân Thành, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng vốn là vùng đất bồi ven sông Lạch Tray. Từ năm 1977, thành phố tổ chức đưa dân ra khai hoang, lấn biển, xây dựng khu kinh tế mới. Năm 1983, thành lập 2 xã Hải Thành và Tân Thành, từ cuối năm 2007 là phường Hải Thành, Tân Thành thuộc quận Dương Kinh. Năm 1982, theo chủ trương di dân, khai hoang, lấn biển, xây dựng vùng kinh tế mới của thành phố, nhân dân xã Hợp Đức, huyện Kiến Thụy đã tham gia xây dựng vùng kinh tế mới Tân Thành. Thành Đức là từ ghép của 02 địa danh là phường Tân Thành và phường Hợp Đức.
32	TÂN HÀ	Phường Tân Thành, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng vốn là vùng đất bồi ven sông Lạch Tray. Từ năm 1977, thành phố tổ chức đưa dân ra khai hoang, lấn biển, xây dựng khu kinh tế mới. Trên cơ sở đó, năm 1983, thành lập 2 xã Hải Thành và Tân Thành, từ cuối năm 2007 là phường Hải Thành, Tân Thành thuộc quận Dương Kinh. Năm 1982, theo chủ trương di dân khai hoang, lấn biển, xây dựng vùng kinh tế mới của thành phố, nhân dân xã Đại Hà (thuộc Kiến Thụy) đã tham gia xây dựng vùng kinh tế mới Tân Thành. Tân Hà là tên ghép từ tên phường Tân Thành và xã Đại Hà.
33	HẢI HÒA	Phường Hải Thành vốn là vùng đất bồi ven sông Lạch Tray, từ năm 1977, thành phố tổ chức đưa dân các xã của huyện An Thụy ra khai hoang, lập khu kinh tế mới. Trên cơ sở đó, năm 1983, thành lập 2 xã Hải Thành và Tân Thành (từ cuối năm 2007 là phường thuộc quận Dương Kinh). Đây là khu vực có nhiều bà con đến từ vùng đất xã An Hòa, huyện Vĩnh Bảo, tới phường Hải Thành năm 1983 trong phong trào khai hoang, lấn biển, phát triển vùng kinh tế mới của thành phố. Mọi người đã cùng nhau chung tay xây dựng phường Hải Thành trở nên giàu đẹp, văn minh. Hải Hòa là tên ghép giữa từ Hải là tên phường và Hòa là tên Xã An Hòa, Vĩnh Bảo.

34	HẢI KỲ	Phường Hải Thành vốn là vùng đất bồi ven sông Lạch Tray, từ năm 1977, thành phố tổ chức đưa dân các xã của huyện An Thụy ra khai hoang, lập khu kinh tế mới. Trên cơ sở đó, năm 1983, thành lập 2 xã Hải Thành và Tân Thành (từ cuối năm 2007 là phường thuộc quận Dương Kinh). Hải Kỳ là tên ghép của chữ cái đầu của tên phường Hải Thành và tên của thôn Kỳ Sơn, xã Tân Trào, Kiến Thụy. Nhân dân tại khu vực này phần lớn là bà con đến từ vùng đất Kỳ Sơn, huyện Kiến Thụy. Bà con đã cùng nhau tham gia khai hoang, xây dựng và phát triển kinh tế theo chủ trương của thành phố khi phường Hải Thành được thành lập vào năm 1983.
35	HẢI LÂM	Phường Hải Thành vốn là vùng đất bồi ven sông Lạch Tray, từ năm 1977, thành phố tổ chức đưa dân các xã của huyện An Thụy ra khai hoang, lập khu kinh tế mới. Trên cơ sở đó, năm 1983, thành lập 2 xã Hải Thành và Tân Thành (từ cuối năm 2007 là phường thuộc quận Dương Kinh). Đây là khu vực có nhiều bà con đến từ vùng đất Quế Lâm, xã Thụy Hương, huyện Kiến Thụy chung tay xây dựng và phát triển kinh tế địa phương khi phường Hải Thành được thành lập vào năm 1983. Hải Lâm là tên ghép của chữ cái đầu tên phường Hải Thành và tên thôn Quế Lâm, xã Thụy Hương, huyện Kiến Thụy.
36	HẢI LONG	Hải Long là tên ghép của chữ cái đầu của tên phường Hải Thành, quận Dương Kinh và tên thôn Vĩnh Long, xã An Hòa, huyện Vĩnh Bảo. Vì nhân dân sinh sống tại khu vực này phần lớn là bà con đến từ thôn Vĩnh Long, xã An Hòa, huyện Vĩnh Bảo. Trong những năm 1983, khi phường Hải Thành được thành lập, hưởng ứng phong trào khai hoang, xây dựng vùng kinh tế ven sông Lạch Tray của thành phố, nhiều bà con thôn Vĩnh Long đã đến mảnh đất Hải Thành, cùng nhau xây dựng, phát triển kinh tế, đưa Hải Thành ngày càng giàu mạnh, đổi mới.
37	TÂN NGỌC	Năm 1977, theo chủ trương di dân, khai hoang, lấn biển, xây dựng vùng kinh tế mới của thành phố, nhân dân thôn Ngọc Liễn, xã Đại Hà (thuộc Kiến Thụy) đã ra xây dựng vùng kinh tế mới Tân Thành, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng. Tân Ngọc là tên ghép từ tên phường Tân Thành và thôn Ngọc Liễn, xã Đại Hà.
38	TÂN NGHĨA	Tân Nghĩa là tên ghép từ 02 tên phường Tân Thành và tên xã Hòa Nghĩa, huyện Kiến Thụy (trước đây). Năm 1982, theo chủ trương di dân xây dựng vùng kinh tế mới của thành phố, nhân dân xã Hoà Nghĩa, huyện Kiến Thụy đã ra khai hoang, lấn biển, xây dựng vùng kinh tế mới Tân Thành.

39	TÂN MINH	Tân Minh là tên ghép từ tên phường Tân Thành, quận Dương Kinh và phường Minh Đức, quận Đồ Sơn. Năm 1982, theo chủ trương di dân xây dựng vùng kinh tế mới của thành phố, nhân dân xã Minh Đức, huyện Kiến Thụy nay là phường Minh Đức, quận Đồ Sơn đã tham gia xây dựng vùng kinh tế mới Tân Thành, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.
40	TÂN SƠN	Tân Sơn là từ ghép của 02 địa danh phường Tân Thành, quận Dương Kinh và xã Thanh Sơn, huyện Kiến Thụy. Năm 1982, theo chủ trương di dân xây dựng vùng kinh tế mới của thành phố, nhân dân xã Thanh Sơn (thuộc Kiến Thụy) đã tham gia khai hoang, lấn biển, xây dựng vùng kinh tế mới Tân Thành, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.
41	HẢI PHƯƠNG	Hải Phương là tên ghép của chữ cái đầu của tên phường Hải Thành, quận Dương Kinh và tên thôn Trà Phương, xã Thụy Hương, huyện Kiến Thụy. Vì nhân dân sinh sống tại khu vực này phần lớn là bà con đến từ vùng đất Trà Phương, huyện Kiến Thụy. Trong những năm 1983, khi phường Hải Thành được thành lập, hưởng ứng phong trào khai hoang, xây dựng vùng kinh tế ven sông Lạch Tray của thành phố, nhiều bà con thôn Trà Phương đã tới mảnh đất Hải Thành, cùng nhau chung tay xây dựng, làm kinh tế mới, đưa phường Hải Thành ngày càng phát triển.
42	HẢI TIẾN	Hải Tiến là tên ghép giữa tên phường Hải Thành và tên xã Dũng Tiến, huyện Vĩnh Bảo. Đây là khu vực có nhiều bà con đến từ vùng đất xã Dũng Tiến, Vĩnh Bảo hưởng ứng phong trào khai hoang, xây dựng vùng kinh tế ven sông Lạch Tray của thành phố đã tới Hải Thành, quận Dương Kinh từ những năm 1983, khi phường được thành lập và cùng nhau chung tay xây dựng và phát triển phường Hải Thành ngày một giàu mạnh.
43	NGHĨA THÀNH	Nghĩa Thành là tên ghép hai chữ cái từ tên gọi phường Hải Thành quận Dương Kinh và xã Hoà Nghĩa, huyện Kiến Thụy trước đây. Đây là khu vực có nhiều người dân từ xã Hoà Nghĩa, huyện Kiến Thụy tới mảnh đất Hải Thành tham gia khai hoang, lấn biển, lập nghiệp sau khi phường Hải Thành được thành lập vào năm 1983.
44	HẢI THUY	Hải Thụy là tên ghép hai chữ cái từ tên gọi phường Hải Thành, quận Dương Kinh và huyện Kiến Thụy. Đây là khu vực có nhiều bà con di dân từ một số xã thuộc huyện Kiến Thụy ra vùng đất Hải Thành khai hoang, lấn biển, lập nghiệp sau khi phường Hải Thành được thành lập vào năm 1983.



45	HẢI VĨNH	Hải Vĩnh là tên ghép giữa từ Hải là tên phường Hải Thành, quận Dương Kinh và từ Vĩnh tên huyện Vĩnh Bảo. Đây là khu vực có nhiều bà con di dân từ một số xã thuộc huyện Vĩnh Bảo ra khai hoang, lấn biển, lập nghiệp và cùng nhau chung tay xây dựng và phát triển phường Hải Thành khi phường được thành lập vào năm 1983.
IV. Tên danh từ có ý nghĩa tiêu biểu		
46	TRUNG THÀNH	Theo Từ điển Tiếng Việt Trung thành có nghĩa là trước sau một lòng một dạ, giữ trọng niềm tin, giữ trọn tình cảm gắn bó với những điều đã cam kết.